

Số: 123 /TTr-UBND

Thái Nguyên, ngày 21 tháng 7 năm 2021

TỜ TRÌNH

Đề nghị Thông qua Nghị quyết về Đề án đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ Kết luận số 243-KL/TU ngày 02/7/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; thực hiện Thông báo số 111/TB-HĐND ngày 19/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về nội dung và công tác chuẩn bị Kỳ họp thứ 2, Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên khóa XIV, nhiệm kỳ 2021 - 2016; xét đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 1559/TTr-SGDĐT ngày 09/7/2021; Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua nội dung Đề án đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030, nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đảm bảo đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; góp phần thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu đến năm 2025

- Về đào tạo để đạt chuẩn trình độ: Phấn đấu 100% cán bộ quản lý, giáo viên các cấp học từ mầm non đến phổ thông (còn trong độ tuổi theo quy định) đạt chuẩn về trình độ đào tạo.

- Về đào tạo để nâng chuẩn trình độ: Phấn đấu 35,2% cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ đào tạo trên chuẩn, trong đó cấp mầm non đạt 80%, cấp tiểu học đạt 2,0%, cấp THCS đạt 8,0% và cấp THPT, GDTX đạt 40%.

- Về số lượng và cơ cấu giáo viên: Đảm bảo đủ số lượng giáo viên (biên chế và hợp đồng) theo tỷ lệ định mức giáo viên/lớp đối với các cấp học, trong đó tuyển đủ số giáo viên chuyên biệt còn thiếu ở mỗi cấp học (Tiếng Anh, Tin học, Âm nhạc, Mỹ thuật, Thể dục).

+ Về bồi dưỡng:

- Phân đầu 100% nhà giáo và cán bộ quản lý được bồi dưỡng năng lực triển khai Chương trình giáo dục phổ thông.

- Phân đầu 100% nhà giáo và cán bộ quản lý được bồi dưỡng cập nhật kiến thức, nâng cao năng lực giảng dạy, giáo dục, năng lực quản lý, bồi dưỡng nâng cao năng lực ngoại ngữ và năng lực công nghệ thông tin.

- Phân đầu 100% nhà giáo và cán bộ quản lý được bồi dưỡng nâng cao năng lực theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên, chuẩn hiệu trưởng.

- Phân đầu 100% cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông được bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giáo dục.

- Phân đầu 100% nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông cốt cán được bồi dưỡng năng lực hỗ trợ đồng nghiệp tự học, tự bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ thường xuyên, liên tục ngay tại trường.

- Phân đầu bồi dưỡng cho 100% giáo viên dạy ngoại ngữ đạt chuẩn về năng lực để dạy học theo chương trình giáo dục phổ thông.

- Phân đầu bồi dưỡng cho 100% nhà giáo và cán bộ quản lý công tác tại vùng dân tộc sử dụng được ít nhất một tiếng dân tộc ở địa bàn công tác.

2.2. Định hướng đến năm 2030

- Bảo đảm năng lực đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông của tỉnh được chuẩn hóa ngang tầm với các địa phương là trung tâm về giáo dục đào tạo của quốc gia, đáp ứng mục tiêu, yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo, trong đó:

+ Đủ số lượng giáo viên theo quy định với cơ cấu hợp lý; 100% cán bộ quản lý, giáo viên có đủ năng lực thực hiện chương trình giáo dục.

+ Duy trì 100% cán bộ quản lý, giáo viên đạt chuẩn đào tạo.

+ Trên 40% cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ đào tạo trên chuẩn.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền đối với giáo dục

- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền và Nhân dân trong việc đầu tư phát triển sự nghiệp giáo dục, coi giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu.

- Làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, phong cách, lối sống cho đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; quan tâm bồi dưỡng phát triển đảng viên mới, đảm bảo cả số lượng và chất lượng đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.

2. Bố trí, sắp xếp đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng và đồng bộ về cơ cấu

- Xây dựng Đề án vị trí việc làm và số lượng người làm việc phù hợp với chức danh nghề nghiệp và vị trí việc làm, xác định số lượng và cơ cấu bộ môn từng cấp học, đánh giá chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục. Trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch tuyển dụng đủ số lượng đội ngũ nhà giáo các cấp học, ưu tiên tuyển dụng giáo viên những bộ môn mới trong Chương trình giáo dục phổ thông.

- Rà soát, bố trí, sắp xếp lại những giáo viên không đáp ứng yêu cầu bằng các giải pháp thích hợp như: Đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao trình độ; giải quyết chế độ nghỉ hưu trước tuổi; bố trí lại công việc phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ; đồng thời bổ sung kịp thời lực lượng giáo viên trẻ có đủ điều kiện và năng lực. Chú trọng đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục trong các cơ sở giáo dục theo hướng chuyên nghiệp hoá.

- Trên cơ sở nhu cầu đào tạo giáo viên từ năm học 2020 - 2021 đến năm học 2024 - 2025, cung cấp thông tin nhu cầu cho các cơ sở đào tạo để đào tạo giáo viên các cấp học, bổ sung nhu cầu giáo viên do tăng quy mô số lớp, số học sinh và thay thế số giáo viên nghỉ hưu.

3. Thực hiện lộ trình đào tạo trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn của cán bộ quản lý và giáo viên

- Hằng năm, xây dựng kế hoạch đào tạo để đạt chuẩn, đào tạo nâng chuẩn trình độ theo từng cấp học, bảo đảm nguyên tắc có đủ giáo viên giảng dạy và tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên tham gia đào tạo theo hình thức vừa làm, vừa học.

- Ưu tiên việc đào tạo, đào tạo lại giáo viên các môn học còn thiếu theo chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.

4. Bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục để thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018

Rà soát đánh giá đúng thực trạng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục để xây dựng kế hoạch bồi dưỡng hằng năm theo các Đề án về đào tạo, bồi dưỡng của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo và của tỉnh để góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, trong đó tập trung thực hiện có hiệu quả công tác bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng giáo viên theo hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cho giáo viên phổ thông và giáo viên mầm non; bồi dưỡng đội ngũ giáo viên cốt cán cho thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.

5. Đổi mới công tác quản lý nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục

- Hoàn thiện cơ chế quản lý theo hướng tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong hoạt động dạy học, nâng cao tinh thần trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp của nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, phân công, phân cấp hợp lý giữa các cấp, các ngành, các cơ quan về trách nhiệm, quyền hạn quản lý nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước về xây dựng, quản lý đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, nhất là công tác thanh tra chuyên môn và quản lý chất lượng giáo dục; quản lý chặt chẽ các hình thức dạy thêm, học thêm, ngăn chặn và đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực trong giáo dục.

- Hoàn thiện hồ sơ quản lý nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, đồng thời nâng cấp, hiện đại công cụ quản lý thông qua việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhân sự.

- Tổ chức triển khai đánh giá chuyên môn theo chuẩn nghề nghiệp đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên các cấp; đánh giá, phân loại cán bộ công chức, viên chức đảm bảo khách quan, công bằng, đúng quy định và tạo động lực cho cán bộ công chức, viên chức.

- Đổi mới nâng cao chất lượng công tác quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng, kiện toàn đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục; đề xuất điều tiết số lượng và cơ cấu đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục cho phù hợp với yêu cầu phát triển của tỉnh.

- Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, tuyển chọn, bổ nhiệm cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông theo hướng hình thành đội ngũ cán bộ có năng lực, uy tín, quyết tâm thực hiện thành công các mục tiêu đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo của tỉnh.

- Đổi mới công tác tuyển dụng giáo viên theo hướng đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan, đúng pháp luật và có tính cạnh tranh; có cơ chế tuyển chọn, tuyển dụng, đãi ngộ người tài, người dân tộc thiểu số của tỉnh.

6. Rà soát, tham mưu ban hành chính sách đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục

Căn cứ tình hình và điều kiện thực tế, tiếp tục nghiên cứu, đề xuất các chính sách nhằm đảm bảo điều kiện, môi trường thuận lợi để đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục phát huy khả năng cống hiến cho sự nghiệp phát triển giáo dục của tỉnh trong thời gian tới.

7. Đầu tư cơ sở vật chất, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, dạy học

- Đầu tư mở rộng cơ sở vật chất cho việc đào tạo đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; xây dựng quy hoạch tổng thể cho tất cả các trường trong tỉnh theo hướng đầu tư, ổn định lâu dài, phù hợp và đạt chuẩn; phấn đấu khắc phục khó khăn về cơ sở vật chất, trang thiết bị giảng dạy; tăng cường đầu tư hiện đại cho các trường trọng điểm, trường đạt chuẩn quốc gia.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện có hiệu quả Chương trình chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo để nâng cao chất lượng giáo dục; trong đó tập trung về quản trị, quản lý giáo dục, hoạt động dạy học, kiểm tra, đánh giá, kết nối giữa nhà trường, gia đình và xã hội. Tiếp tục tập huấn, bồi dưỡng giáo viên thực hiện Chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông và bồi dưỡng thường xuyên trên môi trường mạng internet bằng hệ thống quản lý học tập trung tâm (LMS).

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Dự kiến tổng kinh phí thực hiện Đề án là: **80,289 tỷ đồng**, trong đó:

- Hỗ trợ học phí cho nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục đi học để đạt chuẩn: 48,735 tỷ đồng.

- Công tác bồi dưỡng Chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông và bồi dưỡng thường xuyên: 31,554 tỷ đồng.

2. Nguồn kinh phí: Từ nguồn kinh phí sự nghiệp giáo dục và nguồn xã hội hóa.

IV. THỜI GIAN THỰC HIỆN: Từ năm 2021 đến năm 2025.

(Có dự thảo Nghị quyết và Đề án đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025 kèm theo)

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XIV, Kỳ họp thứ 2 xem xét, thông qua để tổ chức thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Văn phòng Đoàn ĐBĐH và HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, TH.



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC



Đặng Xuân Trường

Số: /NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Thông qua Đề án đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ 2**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2019;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/11/2010;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14/6/2019;

Căn cứ Bộ Luật Lao động ngày 20/11/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 51/2017/QH14 ngày 21/11/2017 của Quốc hội về điều chỉnh lộ trình thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông (GDPT) theo Nghị quyết số 88/2014/QH13 về đổi mới chương trình, sách giáo khoa GDPT;

Căn cứ Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ về việc quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở;

Căn cứ Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 03/7/2020 của Chính phủ về giải pháp đối với biên chế sự nghiệp giáo dục và y tế;

Căn cứ Quyết định số 163/QĐ-TTg ngày 25/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2016 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 732/QĐ-TTg ngày 29/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục phổ thông giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025”;

Căn cứ Quyết định số 1677/QĐ-TTg ngày 03/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án phát triển Giáo dục mầm non giai đoạn 2018 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 33/QĐ-TTg ngày 08/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục mầm non giai đoạn 2018 - 2025;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập;

Căn cứ Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn danh mục khung về vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

Căn cứ Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn lập dự toán quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông; Thông tư số 25/2018/TT-BGDĐT ngày 08/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục mầm non; Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông; Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT ngày 8/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 11/2019/TT-BGDĐT ngày 26/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình bồi dưỡng thường xuyên cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non;

Căn cứ Thông tư số 12/2019/TT-BGDĐT ngày 26/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình bồi dưỡng thường xuyên giáo viên mầm non;

Căn cứ Thông tư số 19/2019/TT-BGDĐT ngày 12/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế bồi dưỡng thường xuyên giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông và giáo viên trung tâm giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Thông tư số 24/2020/TT-BGDĐT ngày 24/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định việc sử dụng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, THCS chưa đáp ứng được trình độ chuẩn đào tạo;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc đề nghị ban hành Nghị quyết thông qua Đề án đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội, Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Đề án đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030, với các nội dung chính như sau:

(Có tóm tắt Đề án kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết, định kỳ hằng năm báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày tháng 8 năm 2021./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (báo cáo);
- Chính phủ (báo cáo);
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (báo cáo);
- Bộ Tài chính (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khóa XIII;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực X;
- Các Sở, ban, ngành, các đoàn thể của tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Các CV Phòng công tác HĐND;
- Báo Thái Nguyên, Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

TÓM TẮT

Đề án Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đảm bảo đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; góp phần thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu đến năm 2025

- Về đào tạo để đạt chuẩn trình độ: Phần đầu 100% cán bộ quản lý, giáo viên các cấp học từ mầm non đến phổ thông (còn trong độ tuổi theo quy định) đạt chuẩn về trình độ đào tạo.

- Về đào tạo để nâng chuẩn trình độ: Phần đầu 35,2% cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ đào tạo trên chuẩn, trong đó cấp mầm non đạt 80%, cấp tiểu học đạt 2,0%, cấp THCS đạt 8,0% và cấp THPT, GDTX đạt 40%.

- Về số lượng và cơ cấu giáo viên: Đảm bảo đủ số lượng giáo viên (biên chế và hợp đồng) theo tỷ lệ định mức giáo viên/lớp đối với các cấp học, trong đó tuyển đủ số giáo viên chuyên biệt còn thiếu ở mỗi cấp học (Tiếng Anh, Tin học, Âm nhạc, Mỹ thuật, Thể dục).

+ Về bồi dưỡng:

- Phần đầu 100% nhà giáo và cán bộ quản lý được bồi dưỡng năng lực triển khai Chương trình giáo dục phổ thông.

- Phần đầu 100% nhà giáo và cán bộ quản lý được bồi dưỡng cập nhật kiến thức, nâng cao năng lực giảng dạy, giáo dục, năng lực quản lý, bồi dưỡng nâng cao năng lực ngoại ngữ và năng lực công nghệ thông tin.

- Phần đầu 100% nhà giáo và cán bộ quản lý được bồi dưỡng nâng cao năng lực theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên, chuẩn hiệu trưởng.

- Phân đầu 100% cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông được bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giáo dục.

- Phân đầu 100% nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông cốt cán được bồi dưỡng năng lực hỗ trợ đồng nghiệp tự học, tự bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ thường xuyên, liên tục ngay tại trường.

- Phân đầu bồi dưỡng cho 100% giáo viên dạy ngoại ngữ đạt chuẩn về năng lực để dạy học theo chương trình giáo dục phổ thông.

- Phân đầu bồi dưỡng cho 100% nhà giáo và cán bộ quản lý công tác tại vùng dân tộc sử dụng được ít nhất một tiếng dân tộc ở địa bàn công tác.

2.2. Định hướng đến năm 2030

- Bảo đảm năng lực đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông của tỉnh được chuẩn hóa ngang tầm với các địa phương là trung tâm về giáo dục đào tạo của quốc gia, đáp ứng mục tiêu, yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo, trong đó:

+ Đủ số lượng giáo viên theo quy định với cơ cấu hợp lý; 100% cán bộ quản lý, giáo viên có đủ năng lực thực hiện chương trình giáo dục.

+ Duy trì 100% cán bộ quản lý, giáo viên đạt chuẩn đào tạo.

+ Trên 40% cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ đào tạo trên chuẩn.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền đối với giáo dục

- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền và Nhân dân trong việc đầu tư phát triển sự nghiệp giáo dục, coi giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu.

- Làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, phong cách, lối sống cho đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; quan tâm bồi dưỡng phát triển đảng viên mới, đảm bảo cả số lượng và chất lượng đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.

2. Bố trí, sắp xếp đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng và đồng bộ về cơ cấu

- Xây dựng Đề án vị trí việc làm và số lượng người làm việc phù hợp với chức danh nghề nghiệp và vị trí việc làm, xác định số lượng và cơ cấu bộ môn từng cấp học, đánh giá chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục. Trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch tuyển dụng đủ số lượng đội ngũ nhà giáo các cấp học, ưu tiên tuyển dụng giáo viên những bộ môn mới trong Chương trình giáo dục phổ thông.

- Rà soát, bố trí, sắp xếp lại những giáo viên không đáp ứng yêu cầu bằng các giải pháp thích hợp như: Đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao trình độ; giải quyết chế độ nghỉ hưu trước tuổi; bố trí lại công việc phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ; đồng thời bổ sung kịp thời lực lượng giáo viên trẻ có đủ điều kiện và năng lực. Chú trọng đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục trong các cơ sở giáo dục theo hướng chuyên nghiệp hoá.

- Trên cơ sở nhu cầu đào tạo giáo viên từ năm học 2020 - 2021 đến năm học 2024 - 2025, cung cấp thông tin nhu cầu cho các cơ sở đào tạo để đào tạo giáo viên các cấp học, bổ sung nhu cầu giáo viên do tăng quy mô số lớp, số học sinh và thay thế số giáo viên nghỉ hưu.

3. Thực hiện lộ trình đào tạo trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn của cán bộ quản lý và giáo viên

- Hằng năm, xây dựng kế hoạch đào tạo để đạt chuẩn, đào tạo nâng chuẩn trình độ theo từng cấp học, bảo đảm nguyên tắc có đủ giáo viên giảng dạy và tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên tham gia đào tạo theo hình thức vừa làm, vừa học.

- Ưu tiên việc đào tạo, đào tạo lại giáo viên các môn học còn thiếu theo chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.

4. Bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục để thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018

Rà soát đánh giá đúng thực trạng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục để xây dựng kế hoạch bồi dưỡng hằng năm theo các Đề án về đào tạo, bồi dưỡng của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo và của tỉnh để góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, trong đó tập trung thực hiện có hiệu quả công tác bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng giáo viên theo hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cho giáo viên phổ thông và giáo viên mầm non; bồi dưỡng đội ngũ giáo viên cốt cán cho thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.

5. Đổi mới công tác quản lý nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục

- Hoàn thiện cơ chế quản lý theo hướng tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong hoạt động dạy học, nâng cao tinh thần trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp của nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, phân công, phân cấp hợp lý giữa các cấp, các ngành, các cơ quan về trách nhiệm, quyền hạn quản lý nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước về xây dựng, quản lý đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, nhất là công tác thanh tra chuyên môn và quản lý chất lượng giáo dục; quản lý chặt chẽ các hình thức dạy thêm, học thêm, ngăn chặn và đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực trong giáo dục.

- Hoàn thiện hồ sơ quản lý nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, đồng thời nâng cấp, hiện đại công cụ quản lý thông qua việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhân sự.

- Tổ chức triển khai đánh giá chuyên môn theo chuẩn nghề nghiệp đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên các cấp; đánh giá, phân loại cán bộ công chức, viên chức đảm bảo khách quan, công bằng, đúng quy định và tạo động lực cho cán bộ công chức, viên chức.

- Đổi mới nâng cao chất lượng công tác quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng, kiện toàn đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục; đề xuất điều tiết số lượng và cơ cấu đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục cho phù hợp với yêu cầu phát triển của tỉnh.

- Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, tuyển chọn, bổ nhiệm cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông theo hướng hình thành đội ngũ cán bộ có năng lực, uy tín, quyết tâm thực hiện thành công các mục tiêu đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo của tỉnh.

- Đổi mới công tác tuyển dụng giáo viên theo hướng đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan, đúng pháp luật và có tính cạnh tranh; có cơ chế tuyển chọn, tuyển dụng, đãi ngộ người tài, người dân tộc thiểu số của tỉnh.

6. Rà soát, tham mưu ban hành chính sách đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục

Căn cứ tình hình và điều kiện thực tế, tiếp tục nghiên cứu, đề xuất các chính sách nhằm đảm bảo điều kiện, môi trường thuận lợi để đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục phát huy khả năng cống hiến cho sự nghiệp phát triển giáo dục của tỉnh trong thời gian tới.

7. Đầu tư cơ sở vật chất, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, dạy học

- Đầu tư mở rộng cơ sở vật chất cho việc đào tạo đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; xây dựng quy hoạch tổng thể cho tất cả các trường trong tỉnh theo hướng đầu tư, ổn định lâu dài, phù hợp và đạt chuẩn; phân đầu khắc phục khó khăn về cơ sở vật chất, trang thiết bị giảng dạy; tăng cường đầu tư hiện đại cho các trường trọng điểm, trường đạt chuẩn quốc gia.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện có hiệu quả Chương trình chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo để nâng cao chất lượng giáo dục; trong đó tập trung về quản trị, quản lý giáo dục, hoạt động dạy học, kiểm tra, đánh giá, kết nối giữa nhà trường, gia đình và xã hội. Tiếp tục tập huấn, bồi dưỡng giáo viên thực hiện Chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông và bồi dưỡng thường xuyên trên môi trường mạng internet bằng hệ thống quản lý học tập trung tâm (LMS).

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Dự kiến tổng kinh phí thực hiện Đề án là: **80,289 tỷ đồng**, trong đó:

- Hỗ trợ học phí cho nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục đi học để đạt chuẩn: 48,735 tỷ đồng.

- Công tác bồi dưỡng Chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông và bồi dưỡng thường xuyên: 31,554 tỷ đồng.

2. Nguồn kinh phí: Từ nguồn kinh phí sự nghiệp giáo dục và nguồn xã hội hóa.

IV. THỜI GIAN THỰC HIỆN: Từ năm 2021 đến năm 2025./.

DỰ THẢO

ĐỀ ÁN

**Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ nhà giáo và
cán bộ quản lý cơ sở giáo dục tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025,
định hướng đến năm 2030**

Phần I. TÍNH CẤP THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Tính cấp thiết

- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế đã xác định nhiệm vụ, giải pháp để phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo: “Xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng và hội nhập quốc tế. Thực hiện chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo theo từng cấp học và trình độ đào tạo. Tiến tới tất cả các giáo viên tiểu học, trung học cơ sở, giáo viên, giảng viên các cơ sở giáo dục nghề nghiệp phải có trình độ từ đại học trở lên, có năng lực sư phạm. Giảng viên cao đẳng, đại học có trình độ từ thạc sĩ trở lên và phải được đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm. CBQL các cấp phải qua đào tạo về nghiệp vụ quản lý”¹;

- Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, khẳng định: “Phát triển và nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đảm bảo đủ giáo viên cho từng cấp học, môn học... Ưu tiên nguồn tài chính cho giáo dục, đảm bảo đủ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ tốt việc triển khai chương trình và sách giáo khoa mới”²;

¹ Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013, phần III.6. Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo.

² Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019, phần 2.4. Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; đảm bảo các điều kiện cơ bản để thực hiện tốt chương trình GDPT và sách giáo khoa mới.

- Chương trình hành động số 25-CTr/TU ngày 06/01/2014 của Tỉnh ủy Thái Nguyên và Quyết định số 3808/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh về việc ban hành Chương trình hành động của tỉnh Thái Nguyên thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013.

Trước yêu cầu mới của Luật Giáo dục năm 2019 quy định về trình độ chuẩn của nhà giáo, theo đó yêu cầu giáo viên mầm non phải có bằng tốt nghiệp Cao đẳng sư phạm trở lên; giáo viên tiểu học và giáo viên trung học cơ sở có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên trở lên thì tại các cơ sở giáo dục vẫn còn một bộ phận giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục chưa đạt chuẩn. Mặt khác, theo Nghị quyết số 51/2017/QH14 ngày 21/11/2017 của Quốc hội, việc triển khai thực hiện chương trình, sách giáo khoa phổ thông mới bắt đầu thực hiện từ năm học 2020-2021, hoàn thành vào năm học 2024-2025. Để triển khai hiệu quả việc đổi mới chương trình giáo dục phổ thông, 100% nhà giáo và CBQL giáo dục cần được tập huấn, bồi dưỡng, tự bồi dưỡng về các nội dung như hướng dẫn tại Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình GDPT; quản trị hoạt động dạy học, giáo dục trong các nhà trường; triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018 tuần tự đối với từng khối lớp, từ lớp 1 đến lớp 12.

Từ thực tế trên, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 là cần thiết để thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo tỉnh Thái Nguyên theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá, dân chủ hoá và hội nhập quốc tế và thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo lộ trình đến năm 2025.

2. Căn cứ pháp lý

Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Bộ Luật Lao động ngày 20 tháng 11 năm 2019;

Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức;

Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ về việc quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở

Nghị quyết số 51/2017/QH14 ngày 21/11/2017 của Quốc hội về điều chỉnh lộ trình thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông (GDPT) theo Nghị quyết số 88/2014/QH13 về đổi mới chương trình, sách giáo khoa GDPT;

Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 03/7/2020 của Chính phủ, về giải pháp đối với biên chế sự nghiệp giáo dục và y tế;

Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 18/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông theo Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông;

Quyết định số 163/QĐ-TTg ngày 25/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2016-2025;

Quyết định số 732/QĐ-TTg ngày 29/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục phổ thông giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025”;

Quyết định số 1677/QĐ-TTg ngày 03/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án phát triển Giáo dục mầm non giai đoạn 2018-2025;

Quyết định số 33/QĐ-TTg ngày 08/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và CBQL giáo dục mầm non giai đoạn 2018 - 2025;

Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ trưởng Bộ Nội vụ, quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập;

Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, hướng dẫn danh mục khung về vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn lập dự toán quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông;

Thông tư số 25/2018/TT-BGDĐT ngày 08/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục mầm non; Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông; Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT ngày 8/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non;

Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

Thông tư số 11/2019/TT-BGDĐT ngày 26/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình bồi dưỡng thường xuyên cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non;

Thông tư số 12/2019/TT-BGDĐT ngày 26/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình bồi dưỡng thường xuyên giáo viên mầm non;

Thông tư số 19/2019/TT-BGDĐT ngày 12/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế bồi dưỡng thường xuyên giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông và giáo viên trung tâm giáo dục thường xuyên;

Thông tư số 24/2020/TT-BGDĐT ngày 24/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định việc sử dụng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, THCS chưa đáp ứng được trình độ chuẩn đào tạo;

Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 13/10/2020 Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

3. Căn cứ thực tiễn

3.1. Thực trạng về quy mô số trường, số lớp, số học sinh

Năm học 2020 - 2021 (tính đến 31/12/2020) toàn tỉnh có 683 trường (243 trường mầm non, 214 trường tiểu học, 193 trường THCS, 33 trường THPT); 01 trung tâm GDTX tỉnh, 09 trung tâm GDNN-GDTX cấp huyện, 01 Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tỉnh, với tổng số 10.173 nhóm/lớp và 320.971 học sinh/trẻ. Quy mô trường, lớp được phát triển rộng khắp ở các địa bàn dân cư và đa dạng về loại hình (trường công lập, ngoài công lập và trường chuyên biệt) đã đáp ứng nhu cầu được cơ bản nhu cầu đến trường của học sinh.

Hàng năm, đã huy động hầu hết số học sinh trong độ tuổi phổ cập (trẻ mầm non 5 tuổi, học sinh tiểu học, trung học cơ sở) đến trường. Do quy mô dân số độ tuổi trong một số năm gần đây tăng nên số lớp, số học sinh tăng, nhất là đối với cấp mầm non và tiểu học dẫn đến nhu cầu cần bổ sung về đội ngũ giáo viên để đáp ứng yêu cầu giảng dạy tại các cơ sở giáo dục.

(Chi tiết tại biểu 01)

3.2. Thực trạng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý

3.2.1. Số lượng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục

Năm học 2020 - 2021 toàn tỉnh có 21.658 người, trong đó: 1.625 cán bộ quản lý, 16.389 giáo viên, 3.644 nhân viên).

Tổng số biên chế được giao 18.231 biên chế. So với định mức quy định, toàn tỉnh còn thiếu 5.370 giáo viên (cấp học mầm non 2.128 giáo viên; cấp học tiểu học 1.808 giáo viên, cấp học THCS 1.228 giáo viên, cấp học THPT 207 giáo viên).

Thực hiện chủ trương tinh giản biên chế theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII và các văn bản hướng dẫn thực hiện của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ về việc thực hiện tinh giản biên chế trong ngành giáo dục, từ năm 2016 đến năm 2020 tỉnh Thái Nguyên chỉ được giao bổ sung 332 biên chế, đáp ứng được 6,18% nhu cầu biên chế còn thiếu, đồng thời hàng năm ngành giáo dục đều phải thực hiện tinh giản biên chế (từ năm 2016 đến nay đã thực hiện tinh giản biên chế 2.069 người), do đó đã ảnh hưởng không nhỏ đến các hoạt động giáo dục và đảm bảo chất lượng ở các cơ sở giáo dục.

3.2.2. Trình độ đào tạo

Tính đến 31/12/2020, số cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên có trình độ tiến sĩ là 03 người (tỷ lệ 0,02%), thạc sĩ 1.040 người (tỷ lệ 5,77%), cử nhân 12.771 người (tỷ lệ 70,89%), cao đẳng 3.180 người (tỷ lệ 17,65%) và trung cấp 1020 người (tỷ lệ 5,66%).

Theo quy định của Luật Giáo dục năm 2019, số cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ đào tạo đạt chuẩn trở lên là 14.864 người (tỷ lệ 82,51%), trong đó trên chuẩn là 5.490 người (tỷ lệ 30,48%). Số chưa đạt chuẩn trình độ đào tạo là 3.150 người (tỷ lệ 17,49%). Cụ thể ở từng cấp học như sau:

+ Cấp mầm non: số cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ đào tạo đạt chuẩn trở lên là 5.504 người (tỷ lệ 86,15%), trong đó trên chuẩn là 4.454 người (tỷ lệ 69,71%). Số chưa đạt chuẩn trình độ đào tạo là 885 người (tỷ lệ 13,85%).

+ Cấp tiểu học: số cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ đào tạo đạt chuẩn trở lên là 3.790 người (tỷ lệ 66,94%), trong đó trên chuẩn là 27 người (tỷ lệ 0,48%). Số chưa đạt chuẩn trình độ đào tạo là 1.872 người (tỷ lệ 33,06%).

+ Cấp trung học cơ sở: số cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ đào tạo đạt chuẩn trở lên là 3.403 người (tỷ lệ 89,65%), trong đó trên chuẩn là 210 người (tỷ lệ 5,53%). Số chưa đạt chuẩn trình độ đào tạo là 393 người (tỷ lệ 10,35%).

+ Cấp trung học phổ thông (bao gồm cả giáo dục thường xuyên): số cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ đào tạo đạt chuẩn trở lên là 2.167 người (tỷ lệ 100%), trong đó trên chuẩn là 799 người (tỷ lệ 36,87%). Số chưa đạt chuẩn trình độ đào tạo là 0 người (tỷ lệ 0%).

(Chi tiết tại biểu 02)

3.3. Cơ cấu giáo viên theo môn học

Để thực hiện Chương trình giáo dục mầm non, Chương trình giáo dục phổ thông 2018, số giáo viên biên chế thừa/thiếu theo cơ cấu chuyên môn cụ thể như sau:

+ Cấp mầm non: đảm bảo cơ cấu giáo viên dạy nhà trẻ và mẫu giáo; chưa có biên chế giáo viên dạy trẻ làm quen tin học và ngoại ngữ (tin học và ngoại ngữ là hoạt động giáo dục tự chọn ở cơ sở giáo dục mầm non).

+ Cấp tiểu học: cơ cấu giáo viên đều thiếu ở các môn học và hoạt động giáo dục, trong đó thiếu giáo viên dạy môn Công nghệ và Tin học là 195 người, môn Tiếng Anh là 209 người, giáo dục thể chất là 208 người.

+ Cấp trung học cơ sở: cơ cấu giáo viên đều thiếu ở các môn học và hoạt động giáo dục, trong đó thiếu giáo viên dạy môn Công nghệ là 116 người, môn Tiếng Anh là 32 người, môn Tin học là 26; môn Giáo dục thể chất là 42 người, Khoa học tự nhiên là 34; Lịch sử và Địa lý là 57 người.

+ Cấp trung học phổ thông (bao gồm cả giáo dục thường xuyên): Cơ cấu giáo viên thiếu ở một số môn mới, trong đó môn nghệ thuật, nội dung Giáo dục địa phương, Giáo dục Kinh tế và Pháp luật....

3.4. Cơ chế, chính sách đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục

- Về tuyển dụng, sử dụng viên chức giáo dục: Hằng năm dựa trên số biên chế được giao, các đơn vị, địa phương có kế hoạch sử dụng, tuyển dụng giáo viên. Số giáo viên được tuyển dụng từ năm 2015-2020 là 524 người. Các đơn vị, địa phương đã thực hiện bố trí, sắp xếp, điều động, luân chuyển giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục theo đúng quy định và phù hợp với yêu cầu chuyên môn, nguyện vọng của cá nhân.

- Về thực hiện chính sách đối với nhà giáo: Các chế độ, chính sách đối với nhà giáo được thực hiện đầy đủ, kịp thời, giúp cho nhà giáo yên tâm công tác (chính sách đối với nhà giáo công tác tại vùng đặc biệt khó khăn, chính sách đối với nhà giáo dạy học tại các trường chuyên biệt, chế độ phụ cấp đúng lớp, thâm niên nhà giáo,...). Từ năm 2018 đến nay, tỉnh Thái Nguyên đã ban hành cơ chế hỗ trợ kinh phí cho các cơ sở giáo dục công lập để thực hiện thuê, khoán giáo viên giảng dạy trong điều kiện thiếu biên chế theo định mức (riêng năm 2021, hỗ trợ trên 348 tỷ đồng để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy với 5.370 định mức giáo viên còn thiếu và 1.962 định mức nhân viên nấu ăn ở các trường mầm non).

- Về đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ: Công tác đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và lí luận chính trị được quan tâm, thực hiện có hiệu quả trong giai đoạn vừa qua. Từ năm 2015 đến nay, có trên 5000 giáo viên, cán bộ quản lý được đào tạo nâng chuẩn, 1200 được đào tạo về lí luận chính trị trình độ từ trung cấp trở lên, 100% giáo viên, cán bộ quản lý được bồi dưỡng thường xuyên và bồi dưỡng thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Bồi dưỡng nâng cao năng lực cho 905/996 giáo viên dạy ngoại ngữ theo chương trình giáo dục phổ thông, tỷ lệ đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ của giáo viên dạy ngoại ngữ 90,86%.

4. Đánh giá chung

Với sự phát triển nhanh về quy mô, số lượng trường, lớp, học sinh trong những năm vừa qua dẫn đến nhu cầu tăng về số lượng giáo viên trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh, trong điều kiện ngành giáo dục tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế, biên chế chưa đáp ứng đủ theo định mức, đồng thời thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018, cần bổ sung đội ngũ giáo viên để thực hiện một số môn học mới, những vấn đề trên là một thách thức lớn đối với ngành giáo dục.

Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục hiện tại cơ bản đáp ứng được nhiệm vụ thường xuyên, tuy nhiên để đáp ứng trình độ đào tạo theo Luật Giáo dục năm 2019 và thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 thì đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục cần được đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng theo lộ trình cụ thể.

Biên chế giáo viên hiện còn thiếu ở các cấp học, đặc biệt là cấp mầm non và tiểu học. Mặc dù tỉnh đã có giải pháp để hỗ trợ các trường thuê khoán giáo viên và nhân viên nấu ăn nhưng về lâu dài sẽ ảnh hưởng tới chất lượng dạy và học ở các nhà trường.

Phần II. MỤC TIÊU ĐỀ ÁN

1. Mục tiêu chung

Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đảm bảo đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục; góp phần thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Mục tiêu đến năm 2025:

+ *Về đào tạo để đạt chuẩn trình độ*: Phấn đấu 100% cán bộ quản lý, giáo viên các cấp học từ mầm non đến phổ thông (còn trong độ tuổi theo quy định) đạt chuẩn về trình độ đào tạo.

+ *Về đào tạo để nâng chuẩn trình độ*: Phấn đấu 35,2% cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ đào tạo trên chuẩn, trong đó cấp mầm non đạt 80%, cấp tiểu học đạt 2,0%, cấp THCS đạt 8,0% và cấp THPT, GDTX đạt 40%.

(Chi tiết tại biểu 03)

+ *Về số lượng và cơ cấu giáo viên:* Đảm bảo đủ số lượng giáo viên (biên chế và hợp đồng) theo tỷ lệ định mức giáo viên/lớp đối với các cấp học, trong đó tuyển đủ số giáo viên chuyên biệt còn thiếu ở mỗi cấp học (Tiếng Anh, Tin học, Âm nhạc, Mỹ thuật, Thể dục).

(Chi tiết tại biểu 4)

+ *Về bồi dưỡng:*

- Phần đầu 100% nhà giáo và cán bộ quản lý được bồi dưỡng năng lực triển khai Chương trình giáo dục phổ thông.

- Phần đầu 100% nhà giáo và cán bộ quản lý được bồi dưỡng cập nhật kiến thức, nâng cao năng lực giảng dạy, giáo dục, năng lực quản lý, bồi dưỡng nâng cao năng lực ngoại ngữ và năng lực công nghệ thông tin.

- Phần đầu 100% nhà giáo và cán bộ quản lý được bồi dưỡng nâng cao năng lực theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên, chuẩn hiệu trưởng.

- Phần đầu 100% cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông được bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giáo dục.

- Phần đầu 100% nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông cốt cán được bồi dưỡng năng lực hỗ trợ đồng nghiệp tự học, tự bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ thường xuyên, liên tục ngay tại trường.

- Phần đầu bồi dưỡng cho 100% giáo viên dạy ngoại ngữ đạt chuẩn về năng lực để dạy học theo Chương trình giáo dục phổ thông.

- Phần đầu bồi dưỡng cho 100% nhà giáo và cán bộ quản lý công tác tại vùng dân tộc sử dụng được ít nhất một tiếng dân tộc ở địa bàn công tác.

b) Định hướng đến năm 2030:

Bảo đảm năng lực đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông của tỉnh được chuẩn hóa ngang tầm với các địa phương là trung tâm về giáo dục đào tạo của quốc gia, đáp ứng mục tiêu, yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo, trong đó:

+ Đủ số lượng giáo viên theo quy định với cơ cấu hợp lý. 100% cán bộ quản lý, giáo viên có đủ năng lực thực hiện chương trình giáo dục.

+ Duy trì 100% đạt chuẩn đào tạo;

+ Trên 40% cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ đào tạo trên chuẩn.

Phần III. NỘI DUNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

I. NỘI DUNG

1. Đào tạo cán bộ quản lý, giáo viên các cấp đạt chuẩn về trình độ đào tạo theo Luật Giáo dục năm 2019.

2. Đào tạo cán bộ quản lý, giáo viên các cấp đạt trình độ trên chuẩn theo Luật Giáo dục năm 2019.

3. Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu.

4. Bồi dưỡng năng lực triển khai Chương trình giáo dục phổ thông; cập nhật kiến thức, nâng cao năng lực giảng dạy, giáo dục, năng lực quản lý, bồi dưỡng nâng cao năng lực ngoại ngữ và năng lực công nghệ thông tin; chuẩn nghề nghiệp giáo viên, chuẩn hiệu trưởng...

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền đối với giáo dục

Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền và nhân dân trong việc đầu tư phát triển sự nghiệp giáo dục, thực sự coi giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu.

Các cấp ủy đảng, chính quyền và các cấp quản lý giáo dục trong tỉnh cần tăng cường tuyên truyền, giáo dục làm cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, nhân dân nhận thức đầy đủ hơn về vai trò quan trọng của đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục trong sự nghiệp nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài cho tỉnh.

Làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, phong cách, lối sống cho đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục. Quan tâm, chăm bồi phát triển đảng viên mới, đảm bảo cả số lượng và chất lượng đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.

2. Bố trí, sắp xếp đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đủ về số lượng đảm bảo về chất lượng và đồng bộ về cơ cấu

Các địa phương, đơn vị xây dựng Đề án vị trí việc làm và số lượng người làm việc phù hợp với chức danh nghề nghiệp và vị trí việc làm, xác định số lượng và cơ cấu bộ môn từng cấp học, đánh giá chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.

Trên cơ sở đánh giá thực trạng, căn cứ vào Đề án này, hằng năm theo phân cấp quản lý Sở GDĐT, UBND cấp huyện tiến hành xây dựng kế hoạch tuyển dụng đủ số lượng đội ngũ nhà giáo các cấp học, trong đó ưu tiên tuyển dụng giáo viên những bộ môn mới trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Rà soát, bố trí, sắp xếp lại những giáo viên không đáp ứng yêu cầu bằng các giải pháp thích hợp như: đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao trình độ; giải quyết chế độ nghỉ hưu trước tuổi, bố trí lại công việc phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ, đồng thời bổ sung kịp thời lực lượng giáo viên trẻ có đủ điều kiện và năng lực. Chú trọng đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhà

giáo và cán bộ quản lý giáo dục trong các cơ sở giáo dục theo hướng chuyên nghiệp hoá; bố trí sắp xếp cán bộ quản lý giáo dục các cấp phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ và năng lực của cán bộ, có cơ chế thay thế khi không đáp ứng yêu cầu.

Trên cơ sở nhu cầu giáo viên từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025, phối hợp, cung cấp thông tin nhu cầu cho các cơ sở đào tạo giáo viên để đào tạo giáo viên các cấp học, bổ sung nhu cầu giáo viên do tăng quy mô số lớp, số học sinh và thay thế số giáo viên nghỉ hưu.

Sở GDĐT, UBND cấp huyện tiến hành rà soát, cử giáo viên hiện có của cấp THPT, cấp tiểu học, THCS ở những bộ môn có tỷ lệ biên chế cao hoặc còn thừa so với định mức nhưng có năng khiếu về chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp để đào tạo văn bằng 2 chuyên ngành (Tin học, Âm nhạc, Mỹ thuật, tổ hợp môn KHTN, KHXH..) để bổ sung nhu cầu giáo viên cho thực hiện đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông theo lộ trình và bổ sung những đơn vị còn thiếu giáo viên.

3. Thực hiện lộ trình đào tạo trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn của cán bộ quản lý và giáo viên

Hàng năm, Sở GDĐT, UBND cấp huyện và các cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch đào tạo để đạt chuẩn, đào tạo nâng chuẩn trình độ theo từng cấp học, bảo đảm nguyên tắc có đủ giáo viên giảng dạy và tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên tham gia đào tạo theo hình thức vừa làm, vừa học.

Ưu tiên việc đào tạo, đào tạo lại giáo viên các môn học còn thiếu theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

4. Bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục để thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018

Các đơn vị, cơ sở giáo dục trong tỉnh, tiến hành rà soát đánh giá đúng thực trạng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục để xây dựng kế hoạch bồi dưỡng hàng năm theo các Đề án về đào tạo, bồi dưỡng của Thủ tướng Chính phủ, của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án này để góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, trong đó tập trung thực hiện có hiệu quả công tác bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng giáo viên theo hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cho giáo viên phổ thông và giáo viên mầm non; bồi dưỡng đội ngũ giáo viên cốt cán cho thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Căn cứ mục tiêu của Đề án, hàng năm Sở GDĐT có kế hoạch cụ thể về bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý.

5. Đổi mới công tác quản lý nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục

Trên cơ sở quy định của Bộ GDĐT, Sở GDĐT tham mưu cho UBND tỉnh hoàn thiện cơ chế quản lý theo hướng tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong hoạt động dạy học, nâng cao tinh thần trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp của nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, phân công, phân cấp hợp lý giữa các cấp, các ngành, các cơ quan về trách nhiệm, quyền hạn quản lý nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước về xây dựng, quản lý đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, nhất là công tác thanh tra chuyên môn và quản lý chất lượng giáo dục. Quản lý chặt chẽ các hình thức dạy thêm, học thêm, ngăn chặn và đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực trong giáo dục.

Hoàn thiện nội dung hồ sơ quản lý nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, đồng thời nâng cấp, hiện đại hoá công cụ quản lý thông qua việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhân sự.

Tổ chức triển khai đánh giá chuyên môn theo chuẩn nghề nghiệp đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên các cấp. Đánh giá, phân loại cán bộ công chức, viên chức theo Luật và theo Nghị định 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ, việc đánh giá phải đảm bảo khách quan, công bằng, tạo động lực cho cán bộ công chức, viên chức.

Tăng cường công tác dự báo, đổi mới nâng cao chất lượng công tác quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng, kiện toàn đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục. Đề xuất chính sách điều tiết số lượng và cơ cấu đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục cho phù hợp với yêu cầu phát triển của tỉnh.

Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, tuyển chọn, bổ nhiệm cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông theo hướng hình thành đội ngũ cán bộ có năng lực, uy tín, quyết tâm thực hiện thành công các mục tiêu đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo của tỉnh.

Đổi mới công tác tuyển dụng giáo viên theo hướng đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan, đúng pháp luật và có tính cạnh tranh; Có cơ chế tuyển chọn, tuyển dụng, đãi ngộ người tài, người dân tộc thiểu số của tỉnh.

6. Rà soát, tham mưu ban hành chính sách đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục

Sở GDĐT phối hợp với các cơ quan, đơn vị nghiên cứu, tiếp tục tham mưu với Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh ban hành chính sách nhằm đảm bảo điều kiện và môi trường thuận lợi để đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục phát huy khả năng cống hiến cho sự nghiệp phát triển giáo dục của tỉnh trong thời gian tới, gồm:

- Chính sách hỗ trợ cho đào tạo tiến sĩ, thạc sĩ để khuyến khích đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;

- Chính sách sử dụng, đãi ngộ, thu hút những nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục giỏi, có năng lực về công tác tại tỉnh. Đặc biệt quan tâm bổ sung những chính sách đối với đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý ở những vùng còn khó khăn trong tỉnh.

7. Đầu tư cơ sở vật chất, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, dạy học.

Tập trung đầu tư mở rộng cơ sở vật chất cho việc đào tạo đội ngũ nhà giáo và CBQLGD. Thực hiện quy hoạch tổng thể cho tất cả các trường trong tỉnh theo hướng đầu tư, ổn định lâu dài, phù hợp và đạt chuẩn; phấn đấu khắc phục khó khăn về cơ sở vật chất, trang thiết bị giảng dạy; tăng cường đầu tư hiện đại cho các trường trọng điểm, trường đạt chuẩn quốc gia.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong mọi hoạt động của giáo dục và đào tạo để thúc đẩy chất lượng giáo dục. Thực hiện có hiệu quả Chương trình chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục, trong đó tập trung về quản trị, quản lý giáo dục, hoạt động dạy học, kiểm tra, đánh giá, kết nối giữa nhà trường, gia đình và xã hội. Tiếp tục thực hiện tập huấn, bồi dưỡng giáo viên thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông và bồi dưỡng thường xuyên trên môi trường mạng internet bằng hệ thống quản lý học tập trung tâm (LMS).

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

Kinh phí thực hiện các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng của Đề án được bố trí từ kinh phí sự nghiệp giáo dục và xã hội hóa

Tổng kinh phí thực hiện Đề án là 80,289 tỷ đồng, trong đó:

- Hỗ trợ học phí cho nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục đi học để đạt chuẩn, dự toán 48,735 tỷ đồng.

- Công tác bồi dưỡng Chương trình giáo dục phổ thông và bồi dưỡng thường xuyên, dự toán 31,554 tỷ đồng.

(chi tiết tại biểu 5)

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, UBND cấp huyện, các sở, ngành có liên quan hàng năm rà soát, hướng dẫn các đơn vị lập kế hoạch đào tạo nâng trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn, tuyển dụng viên chức giáo viên theo phân cấp quản lý; tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp kết quả định kỳ từng năm, báo cáo UBND tỉnh.

2. Sở Nội vụ

Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND cấp huyện xây dựng kế hoạch biên chế theo định mức quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định; Đôn đốc, hướng dẫn các địa phương, đơn vị xây dựng kế hoạch, tuyển dụng giáo viên theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của các bộ, ngành; phối hợp giải quyết chế độ, chính sách đối với giáo viên theo đúng quy định của pháp luật.

3. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị có liên quan tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, bố trí nguồn vốn chi thường xuyên để thực hiện Đề án, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, các Sở, ngành địa phương có liên quan trong việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội và đầu tư công trung hạn và hàng năm, trong đó tập trung đầu tư xây dựng cơ sở vật chất nhằm từng bước đáp ứng yêu cầu về đổi mới căn bản toàn diện về giáo dục và đào tạo, chương trình giáo dục phổ thông.

5. UBND các huyện (TP, TX)

Chịu trách nhiệm thực hiện các mục tiêu của Đề án theo phân cấp quản lý tại địa phương. Phối hợp với Sở Nội vụ, Sở GDĐT và các sở, ngành có liên quan xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục trong từng giai đoạn phù hợp với tình hình cụ thể của địa phương; quản lý, tuyển dụng và sử dụng có hiệu quả số lượng người làm việc được UBND tỉnh phân bổ hàng năm; Chủ động bố trí ngân sách huyện để thực hiện Đề án theo phân cấp quản lý.

6. Các cơ sở giáo dục

Hàng năm tiến hành rà soát và cử giáo viên, cán bộ quản lý đi đào tạo đạt chuẩn và nâng chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với tình hình của nhà trường; lập kế hoạch hỗ trợ kinh phí cho giáo viên và cán bộ quản lý đi đào tạo theo dự toán hàng năm của các đơn vị, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục học tập để nâng chuẩn và trên chuẩn về trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

**TỔNG HỢP QUY MÔ PHÁT TRIỂN CẤP HỌC MẪM NON, TIỂU HỌC, THCS, THPT VÀ
 GIAO DỤC TRUNG TÂM GDTX
 NĂM HỌC 2020-2021, DỰ BẢO GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

Biểu 1

TT	Đơn vị	Năm học 2020		Năm học 2021		Năm học 2022		Năm học 2023		Năm học 2024		Năm học 2025	
		Nhóm, Lớp	Học sinh										
A	B	2	3	5	6	8	9	11	12	14	15		
I	Công lập	9.772	312.484	10.188	322.367	10.446	329.551	10.671	336.890	10.801	341.704		
1	Mầm non	2.742	77.842	2.850	79.305	2.940	80.604	2.976	81.294	3.016	83.089		
2	Tiểu học	3.969	120.161	4.156	122.978	4.229	124.172	4.221	121.883	4.217	120.268		
3	THCS	2.141	76.476	2.253	82.071	2.347	86.006	2.541	94.691	2.630	99.047		
4	THPT	838	34.780	841	34.423	841	35.102	846	35.438	851	35.673		
5	GDTX	82	3.225	88	3.590	89	3.667	87	3.584	87	3.627		
II	Ngoại công lập	401	8.487	416	10.118	442	10.855	460	12.574	481	12.440		
1	Mầm non	340	6.688	350	8.178	370	8.883	382	10.477	398	10.238		
2	Tiểu học	30	474	30	502	30	507	30	512	30	517		
3	THCS	7	127	12	240	17	340	23	460	28	560		
4	THPT	24	1.198	24	1.198	25	1.125	25	1.125	25	1.125		
5	GDTX												
III	Toàn tỉnh	10.173	320.971	10.604	332.485	10.888	340.406	11.131	349.464	11.282	354.144		
1	Mầm non	3.082	84.530	3.200	87.483	3.310	89.487	3.358	91.771	3.414	93.327		
2	Tiểu học	3.999	120.635	4.186	123.480	4.259	124.679	4.251	122.395	4.247	120.785		
3	THCS	2.148	76.603	2.265	82.311	2.364	86.346	2.564	95.151	2.658	99.607		
4	THPT	862	35.978	865	35.621	866	36.227	871	36.563	876	36.798		
5	GDTX	82	3.225	88	3.590	89	3.667	87	3.584	87	3.627		

**SỐ LƯỢNG VÀ CƠ CẤU THEO TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO CỦA ĐỘI NGŨ
CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN
(tính đến ngày 31/12/2020)**

Biểu 2

TT	CBQL, GC, NV	Tổng	Sau DH	DH	CB	TC	Trình độ chuyên môn			Tỉ lệ đạt chuẩn, trên chuẩn (%)
							Đạt chuẩn, trên chuẩn	Trong đó trên chuẩn	Dưới chuẩn	
I	Mầm non	8.606	9	4.616	2.435	1.546				
I	CBQL + Giáo viên	6.389	7	4.447	1.050	885	86,15%	69,71%	13,85%	
	+ CBQL	654	3	616	28	7	98,93%	94,65%	1,07%	
	+ Giáo viên	5.735	4	3.831	1.022	878	84,69%	66,87%	15,31%	
2	Nhân viên	2.217	2	169	1.385	661				
II	Tiêu học	6.261	27	4.006	1.898	330				
I	CBQL + Giáo viên	5.662	27	3.763	1.737	135	66,94%	0,48%	33,06%	
	+ CBQL	466	6	426	34	0	92,70%	1,29%	7,30%	
	+ Giáo viên	5.196	21	3.337	1.703	135	64,63%	0,40%	35,37%	
2	Nhân viên	599	0	243	161	195				
III	THCS	4.458	210	3.520	507	221				
I	CBQL + Giáo viên	3.796	210	3.193	393	0	89,65%	5,53%	10,35%	
	+ CBQL	384	25	352	7	0	98,18%	6,51%	1,82%	
	+ Giáo viên	3.412	185	2.841	386	0	88,69%	5,42%	11,31%	
3	Nhân viên	662	0	327	114	221				
IV	THPT&GDTX	2.333	802	1.441	46	44				
I	CBQL + Giáo viên	2.167	799	1.368	0	0	100%	36,87%		
	+ CBQL	121	95	26	0	0	100%	78,51%		
	+ Giáo viên	2.046	704	1.342	0	0	100%	34,41%		
2	Nhân viên	166	3	73	46	44				
V	Toàn ngành	21.658	1.048	13.583	4.886	2.141				
I	CBQL + Giáo viên	18.014	1.043	12.771	3.180	1.020	82,51%	30,48%	17,49%	
	+ CBQL	1.625	129	1.420	69	7				
	+ Giáo viên	16.389	914	11.351	3.111	1.013				
3	Nhân viên	3.644	5	812	1.706	1.121				

**NHU CẦU ĐÀO TẠO
NÂNG CHUẨN TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO CỦA GIÁO VIÊN GIAI ĐOẠN 2021-2025**

Biểu 3

TT	CẤP HỌC	Số CBQL+ giáo viên có trình độ đào tạo trên chuẩn (so với biên chế hiện có)	Số lượng	Tỷ lệ %	Dự kiến số giáo viên được cử đi đào tạo nâng trình độ đào tạo trên chuẩn giai đoạn 2021-2025	Trong đó					
						Dự kiến đạt	ti lệ trên chuẩn (so với biên chế được giao)	2021	2022	2023	2024
1	Mầm non	6.389	4.454	69,71%	657	80,0	150	160	165	132	50
2	Tiểu học	5.662	27	0,48%	86	2,0	5	23	23	20	15
3	THCS	3.796	210	5,53%	93	8,0	8	20	25	20	20
4	THPT	2.167	799	36,87%	68	45,0	10	14	14	15	15
5	Tổng	18.014	5.490	30,48%	904	35%	173	217	227	187	100

Biểu 4.1

BIÊN CHẾ GIAO VIÊN ĐƯỢC GIAO NĂM HỌC 2020-2021, DỮ BẢO NHƯ CẤU VÀ SỐ GIAO VIÊN MẠM NON CÒN THIẾU

GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

TT	Đơn vị	NH 2020-2021		Năm học 2021 - 2022		Năm học 2022 - 2023		Năm học 2023 - 2024		Năm học 2024 - 2025					
		Biên chế giáo viên ngoài công lập hiện có	Giáo viên được giao	Nhu cầu giáo viên theo quy định	Nhu cầu thiếu so với được giao	Nhu cầu giáo viên theo quy định	Nhu cầu thiếu so với được giao	Nhu cầu giáo viên theo quy định	Nhu cầu thiếu so với được giao	Nhu cầu giáo viên theo quy định	Nhu cầu thiếu so với được giao				
1	TP Thái Nguyên	527	939	548	1.242	303	574	1.302	363	580	1.315	376	587	1.331	392
	Nhà trẻ	102		121	303	129		130	323	130		325	133	333	
	Mẫu giáo	425		427	939	445		450	979	454		990	454	999	
2	TP Sông Công	148	214	163	370	156	178	404	185	420	206	195	443	229	
	Nhà trẻ	28		38	95	42		105	43	108		47	118		
	Mẫu giáo	120		125	275	136		299	142	312		148	326		
3	Đình Hòa	229	409	235	534	125	237	539	130	241	140	245	558	149	
	Nhà trẻ	52		57	143	59		148	61	153		63	158		
	Mẫu giáo	177		178	392	178		392	180	396		182	400		
4	Phù Lương	222	322	236	532	210	241	543	221	244	229	248	560	238	
	Nhà trẻ	37		41	103	42		105	47	118		48	120		
	Mẫu giáo	185		195	429	199		438	197	433		200	440		
5	Đại Từ	425	677	436	988	311	453	1.026	349	461	1.046	369	466	1.058	381
	Nhà trẻ	92		97	243	97		243	105	263		110	275		
	Mẫu giáo	333		339	746	356		783	356	783		356	783		
6	Vô Nhai	212	347	215	490	143	217	495	148	217	148	220	502	155	
	Nhà trẻ	53		56	140	57		143	57	143		59	148		
	Mẫu giáo	159		159	350	160		352	160	352		161	354		
7	Đông Hy	226	327	227	514	187	236	535	208	237	210	241	546	219	
	Nhà trẻ	46		47	118	52		130	52	130		52	130		
	Mẫu giáo	180		180	396	184		405	185	407		189	416		

TT	Đơn vị	NH 2020-2021		Năm học 2021 - 2022		Năm học 2022 - 2023		Năm học 2023 - 2024		Năm học 2024 - 2025					
		Biên chế giáo viên được giao	Giáo viên ngoại công lập hiện có	Nhóm, giáo viên theo quy định											
8	Phù Bình	367	582	372	841	259	382	865	283	386	875	293	396	899	317
		71		75	188	81	203	85	213	303	667	93	233		
9	Phổ Yên	386	559	418	947	388	422	956	397	424	960	401	430	975	416
		296		297	653	301	662	301	662	303	667	93	233		
	Nhà trẻ	74		90	225	92	230	92	230	95	238				
		312		328	722	330	726	332	730	335	737				
II	Ngoại công lập	340		647	350	770	123	370	814	167	382	840	398	876	229
III	Toàn tỉnh I+II	3.082	4.376	647	3.200	7.227	2.204	3.310	7.477	2.454	3.357	7.587	3.426	7.747	2.724

BIÊN CHẾ GIAO VIÊN ĐƯỢC GIAO NĂM HỌC 2020-2021, DỰ BẢO NHƯ CẦU VÀ SỞ GIÁO VIÊN TIÊU HỌC CÓN THIỂU
 GIAI ĐOÀN 2021 - 2025

TT	Đơn vị	NH 2020-2021		Năm học 2021 - 2022		Năm học 2022 - 2023		Năm học 2023 - 2024		Năm học 2024 - 2025							
		Lớp	được giao	Lớp	được giao	Lớp	được giao	Lớp	được giao	Lớp	được giao						
A	B		2	4	5	7	8	9	10	11	12	13	14	15			
I	Công lập		3.969	4.705	0	4.156	6.243	1.538	4.229	6.353	1.648	4.221	1.636	4.217	6.335	1.630	
1	TP Thái Nguyên		833	958		899	1.350	392	915	1.374	416	916	1.375	417	922	1.384	426
2	TP Sông Công		214	218		236	355	137	240	361	143	241	363	145	246	370	152
3	Định Hoà		369	432		375	564	132	378	568	136	379	570	138	380	571	139
4	Phù Lương		349	423		359	540	117	363	546	123	360	541	118	357	537	114
5	Đại Từ		464	558		487	732	174	501	753	195	508	763	205	511	768	210
6	Võ Nai		364	494		370	556	62	372	559	65	374	562	68	370	556	62
7	Đồng Hỷ		351	459		359	540	81	364	547	88	361	543	84	363	546	87
8	Phù Bình		488	546		507	762	216	514	772	226	501	753	207	487	732	186
9	Phổ Yên		537	617		564	847	230	582	874	257	581	873	256	581	873	256
II	Ngoại công lập		30		20	30	46	26	30	46	26	30	46	26	30	46	26
III	Toàn ngành		3.999	4.705	20	4.186	6.289	1.564	4.259	6.399	1.674	4.251	6.387	1.662	4.247	6.381	1.656

BIÊN CHẾ GIAO VIÊN ĐƯỢC GIAO NĂM HỌC 2020-2021, DỰ BẢO NHU CẦU VÀ SỐ GIAO VIÊN THCS CÒN THIẾU
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

TT	Đơn vị	NH 2020-2021			Năm học 2021 - 2022			Năm học 2022 - 2023			Năm học 2023 - 2024			Năm học 2024 - 2025		
		Lớp	Biên chế giao viên ngoài công lập hiện có	Lớp	Nhu cầu giao viên theo quy định	Số giáo viên thiếu so với được giao	Lớp	Nhu cầu giao viên theo quy định	Số giáo viên thiếu so với được giao	Lớp	Nhu cầu giao viên theo quy định	Số giáo viên thiếu so với được giao	Lớp	Nhu cầu giao viên theo quy định	Số giáo viên thiếu so với được giao	
A	B	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
I	Công lập	2.141	3.398	0	2.253	4.290	892	2.347	4.468	1.070	2.541	4.837	1.439	5.006	1.608	
1	TP Thái Nguyên	523	764		546	1.038	274	573	1.090	326	628	1.194	643	1.223	459	
2	TP Sông Công	109	165		122	233	68	128	244	79	139	265	144	275	110	
3	Đình Hoà	166	291		172	328	37	176	335	44	187	356	195	372	81	
4	Phù Lương	176	322		186	354	32	191	364	42	204	389	211	402	80	
5	Đại Từ	330	491		348	662	171	362	689	198	383	729	395	752	261	
6	Vô Nhai	145	256		155	296	40	164	313	57	179	341	186	354	98	
7	Đồng Hỷ	170	298		178	339	41	188	358	60	199	379	204	389	91	
8	Phù Bình	256	397		268	510	113	272	518	121	295	562	311	592	195	
9	Phổ Yên	266	414		278	529	115	293	558	144	327	622	341	649	235	
II	Ngoại công lập	7		28	12	24	-4	17	33	5	23	45	17	54	26	
III	Toàn ngành	2.148	3.398	28	2.265	4.314	888	2.364	4.502	1.076	2.564	4.882	1.456	5.060	1.634	

BIÊN CHẾ GIAO VIỆN ĐƯỢC GIAO NĂM HỌC 2019-2020, DỮ BẢO NHU CẦU VÀ SỞ GIAO VIỆN THPT CÒN THIỂU
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

TT	Đơn vị	NH 2020-2021										NH 2020-2021		Năm học 2021 - 2022		Năm học 2022 - 2023		Năm học 2023 - 2024		Năm học 2024 - 2025	
		Lớp	Biên chế giáo viên ngoài công lập hiện có	Biên chế giáo viên được giao	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Số giáo viên theo quy định với được giao	Lớp	Số giáo viên theo quy định với được giao	13	14	15	
1	THPT Đinh Hoà	39	80	38	6	37	83	3	81	1	36	81	1	36	81	1	36	81	1	36	81
2	THPT Bình Yên	21	43	21	4	47	21	4	47	4	21	47	4	47	21	4	47	21	4	47	21
3	THPT Yên Ninh	14	29	14	3	32	15	5	34	5	15	34	5	34	15	5	34	15	5	34	15
4	THPT Phú Lương	45	90	45	11	101	45	11	101	11	45	101	11	101	45	11	101	45	11	101	45
5	THPT Khánh Hoà	24	54	24	0	24	54	0	24	0	24	54	0	24	24	0	24	24	0	24	54
6	THPT Lưu Nhân Chú	27	59	27	2	27	61	2	27	2	27	61	2	27	27	2	27	27	2	27	61
7	THPT Nguyễn Huệ	40	79	40	9	88	39	9	88	9	39	88	9	39	39	9	39	39	9	39	88
8	THPT Đại Từ	44	90	44	9	99	44	9	99	9	44	99	9	44	44	9	44	44	9	44	99
9	THPT Hoàng Quốc Việt	21	39	21	8	47	21	8	47	8	21	47	8	21	21	8	21	21	8	21	47
10	THPT Võ Nhai	18	40	18	1	18	41	1	18	1	18	41	1	18	18	1	18	18	1	18	41
11	THPT Trần Phú	12	28	12	0	12	28	0	12	0	12	28	0	12	12	0	12	12	0	12	28
12	THPT T. Quốc Tuấn	18	41	18	0	18	41	0	18	0	18	41	0	18	18	0	18	18	0	18	41
13	THPT Trại Cau	21	41	21	6	47	21	6	47	6	21	47	6	21	21	6	21	21	6	21	47
14	THPT Đông Hy	42	91	42	4	95	43	6	97	6	44	99	8	45	45	8	45	45	8	45	101
15	THPT Dương Tử Minh	20	46	20	0	20	46	0	20	0	21	47	0	21	21	0	21	21	0	21	47
16	THPT Lương Ngọc Quyển	46	96	46	5	101	45	5	101	5	45	101	5	45	45	5	45	45	5	45	101
17	THPT Ngô Quyền	30	66	30	2	68	30	2	68	2	30	68	2	30	30	2	30	30	2	30	68
18	THPT GANG THÉP	32	69	32	3	72	33	5	74	5	33	74	5	33	33	5	33	33	5	33	74
19	THPT Chu Văn An	24	54	24	0	24	54	0	24	0	24	54	0	24	24	0	24	24	0	24	54
20	THPT Sông Công	30	66	30	2	68	30	2	68	2	30	68	2	30	30	2	30	30	2	30	68
21	THPT Lê Hồng Phong	42	87	42	8	95	42	8	95	8	42	95	8	42	42	8	42	42	8	42	95
22	THPT Phố Yên	24	53	24	1	54	24	1	54	1	24	54	1	24	24	1	24	24	1	24	54

TT	Đơn vị	Lớp	862	1.786	32	862	1.980	170	865	1.987	169	866	1.988	170	867	1.990	172
23	THPT Bắc Sơn		27	52		27	61	9	27	61	9	27	61	27	27	61	9
24	THPT Lý Nam Đế		22	35		24	54	19	24	54	19	24	54	19	24	54	19
25	THPT Phú Bình		39	78		39	88	10	39	88	10	39	88	10	39	88	10
26	THPT Lương Phú		30	60		30	68	8	30	68	8	30	68	8	30	68	8
27	THPT Diêm Thủy		30	68		30	68	0	30	68	0	30	68	0	30	68	0
28	DTNT Thái Nguyên		18	40		18	45	5	18	45	5	18	45	5	18	45	5
29	THPT Chuyên		38	112		39	121	9	39	121	9	39	121	9	39	121	9
II	Ngoại công lập		24		32	24	54	30	25	56	24	25	56	24	25	56	24
III	Toàn ngành		862	1.786	32	862	1.980	170	865	1.987	169	866	1.988	170	867	1.990	172

TỔNG HỢP BIÊN CHẾ GIAO VIÊN ĐƯỢC GIAO NĂM HỌC 2020-2021, DỮ BẢO NHU CẦU VÀ SỔ GIAO VIÊN MN, TH, THCS, THPT CÒN THIẾU GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

Biểu 4

TT	Đơn vị	NH 2020-2021			Năm học 2021 - 2022			Năm học 2022 - 2023			Năm học 2023 - 2024			Năm học 2024 - 2025		
		Nhóm, giáo viên công lập hiện có	Nhóm, giáo viên ngoài công lập hiện có	Lớp	Nhóm, giáo viên theo quy định	Nhóm, giáo viên thiếu so với được giao	Lớp	Nhóm, giáo viên theo quy định	Nhóm, giáo viên thiếu so với được giao	Lớp	Nhóm, giáo viên theo quy định	Nhóm, giáo viên thiếu so với được giao	Lớp	Nhóm, giáo viên theo quy định	Nhóm, giáo viên thiếu so với được giao	
A	B	2	3	5	6	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
I	Công lập	9.690	14.265	10.097	18.915	4.650	10.356	19.415	5.150	10.578	19.856	5.591	10.717	20.146	5.881	
I	Mầm non	2.742	4.376	0	6.457	2.081	2.940	6.663	2.287	2.975	6.747	2.371	3.028	6.872	2.496	
2	Tiểu học	3.969	4.705	0	6.243	1.538	4.229	6.353	1.648	4.221	6.341	1.636	4.217	6.335	1.630	
3	THCS	2.141	3.398	0	4.290	892	2.347	4.468	1.070	2.541	4.837	1.439	2.630	5.006	1.608	
4	THPT	838	1.786	0	1.926	140	840	1.931	145	841	1.932	146	842	1.934	148	
II	Ngoại Công lập	401	0	727	894	175	442	950	223	460	987	260	481	1032	305	
1	Mầm non	340	0	647	770	123	370	814	167	382	840	193	398	876	229	
2	Tiểu học	30	0	20	46	26	30	46	26	30	46	26	30	46	26	
3	THCS	7	0	28	24	-4	17	33	5	23	45	17	28	54	26	
4	THPT	24	0	32	54	30	25	56	24	25	56	24	25	56	24	
III	Toàn Ngành	10.091	14.265	727	10.513	19.809	4.825	10.798	20.364	5.372	11.038	20.843	5.851	11.198	21.178	6.186

**NHU CẦU KINH PHÍ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG ĐỘI NGŪ CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Trình độ	Tổng số người	Tổng số kinh phí	Trong đó, chia ra									
					Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025					
I	Đào tạo đạt chuẩn trình độ theo quy định của Luật Giáo dục năm 2019	Cao đẳng	3.150	48.735	Số người	652	552	548	465	7.605				
					Kinh phí	13.833	9.666	8.685	8.946	465				
1	CBQL, GV mầm non	Cao đẳng	885	7.965	Số người	230	139	102	918	765				
					Kinh phí	2.961	2.070	1.251	918	85				
2	Giáo viên Tiểu học	Đại học	1.872	33.696	Số người	346	356	390	328	5.904				
					Kinh phí	8.136	6.228	6.408	7.020	328				
3	Giáo viên Trung học cơ sở	Đại học	393	7.074	Số người	76	57	56	52	936				
					Kinh phí	2.736	1.368	1.026	1.008	52				
II	Bồi dưỡng các mô đun thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông mới (qua mạng)		57.585	22.500	Số người	4.500	4.500	4.500	4.500	4.500				
					Kinh phí	11.517	11.517	11.517	11.517	11.517				
III	Bồi dưỡng trực tiếp thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông mới		9.010	9.054	Số người	1.800	1.800	1.800	1.800	1.800				
					Kinh phí	1.811	1.811	1.811	1.811	1.811				
I	Tiểu học		3.750	3.773	Số người	750	750	750	750	755				
					Kinh phí	750	750	750	750	755				
2	THCS		3.500	3.521	Số người	704	700	700	704	704				
					Kinh phí	704	700	700	704	704				
3	THPT và GDTX		1.760	1.761	Số người	352	350	350	352	352				
					Kinh phí	360	350	350	350	352				
Tổng cộng I+II+III			69.745	80.289	14.260	20.144	13.969	15.977	13.869	14.996	13.865	15.257	13.782	13.916

Ghi chú:

Kinh phí đào tạo 01 tín chỉ: 300.000đ

Kinh phí đào tạo từ trung cấp lên cao đẳng: 30 tín chỉ x 300.000đ = 9000.000đ/khóa

Kinh phí đào tạo từ cao đẳng lên đại học: 60 tín chỉ x 300.000đ = 18.000.000đ/khóa

Kinh phí mua tài khoản 11.517 học tập 4.500.000đ/năm

Kinh phí bồi dưỡng trực tiếp 50.300.000đ/lớp; mỗi lớp 50 học viên